

Số: /TBHH-CVHHNT

Khánh Hòa, ngày tháng 06 năm 2025

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về khu vực biển cấm hoạt động hàng hải phục vụ tổ chức bắn đạn thật của
Quân chủng Hải quân trên vùng biển tỉnh Khánh Hòa

Vùng biển: Khu vực biển quần đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ khoản 4 Điều 44, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Căn cứ khoản 2, Điều 45 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải được sửa đổi, bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 34/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-TCCB-LĐ ngày 24/12/1992 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn cho Cảng vụ Nha Trang (nay là Cảng vụ Hàng hải Nha Trang);

Xét Đơn đề nghị Công bố Thông báo hàng hải số 14893/ĐN-TM ngày 03/6/2025 của Bộ Tham mưu – Quân chủng Hải quân về việc tổ chức bắn đạn thật của Quân chủng Hải quân trên vùng biển tỉnh Khánh Hòa;

Cảng vụ Hàng hải Nha Trang thông báo thiết lập các khu vực cấm hoạt động hàng hải được giới hạn bởi các điểm:

I. PHẠM VI, HƯỚNG BẮN ĐẠN THẬT

(Theo Phụ lục, kèm theo Đề nghị Công bố Thông báo hàng hải số 14893/ĐN-TM ngày 03/6/2025 của Bộ Tham mưu – Quân chủng Hải quân)

1. Đảo Song Tử Tây

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	11 ⁰ 25' 43" N	114 ⁰ 19' 45"E	11 ⁰ 25' 39" N	114 ⁰ 19' 51"E
A2	11 ⁰ 25' 35" N	114 ⁰ 19' 47"E	11 ⁰ 25' 31" N	114 ⁰ 19' 53"E
A3	11 ⁰ 24' 58" N	114 ⁰ 12' 09"E	11 ⁰ 24' 54" N	114 ⁰ 12' 15"E
A4	11 ⁰ 29' 31" N	114 ⁰ 12' 50"E	11 ⁰ 29' 27" N	114 ⁰ 12' 56"E

- Hướng bắn: Tây Tây Bắc.

2. Đảo Nam Yết

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10 ⁰ 10'43" N	114 ⁰ 22' 08"E	10 ⁰ 10'39" N	114 ⁰ 22' 14"E
A2	10 ⁰ 06'35" N	114 ⁰ 29' 36"E	10 ⁰ 06'31" N	114 ⁰ 29' 42"E
A3	10 ⁰ 01'16" N	114 ⁰ 23' 28"E	10 ⁰ 01'12" N	114 ⁰ 23' 34"E
A4	10 ⁰ 10'41" N	114 ⁰ 22' 03"E	10 ⁰ 10'37" N	114 ⁰ 22' 09"E

- Hướng bắn: Đông Nam.

3. Đảo Trường Sa

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 38'38" N	111 ⁰ 54' 54"E	08 ⁰ 38'34" N	111 ⁰ 55' 00"E
A2	08 ⁰ 45'51" N	111 ⁰ 49' 05"E	08 ⁰ 45'47" N	111 ⁰ 49' 11"E
A3	08 ⁰ 48'07" N	111 ⁰ 55' 17"E	08 ⁰ 48'03" N	111 ⁰ 55' 23"E
A4	08 ⁰ 38'57" N	111 ⁰ 55' 17"E	08 ⁰ 38'53" N	111 ⁰ 55' 23"E

- Hướng bắn: Bắc Tây Bắc.

4. Đảo Sơn Ca

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10 ⁰ 22'32" N	114 ⁰ 28'46"E	10 ⁰ 22'28" N	114 ⁰ 28'52"E
A2	10 ⁰ 30'52" N	114 ⁰ 31'04"E	10 ⁰ 30'48" N	114 ⁰ 31'10"E
A3	10 ⁰ 27'54" N	114 ⁰ 35'39"E	10 ⁰ 27'50" N	114 ⁰ 35'45"E
A4	10 ⁰ 22'24" N	114 ⁰ 28'54"E	10 ⁰ 22'20" N	114 ⁰ 29'00"E

- Hướng bắn: Bắc Đông Bắc.

5. Đảo Sinh Tồn

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10 ⁰ 01'12" N	114 ⁰ 16' 47"E	10 ⁰ 01'08" N	114 ⁰ 16' 53"E
A2	10 ⁰ 00'56" N	114 ⁰ 24' 30"E	10 ⁰ 00'52" N	114 ⁰ 24' 36"E
A3	09 ⁰ 53'08" N	114 ⁰ 19' 48"E	09 ⁰ 53'04" N	114 ⁰ 19' 54"E
A4	09 ⁰ 53'08" N	114 ⁰ 19' 44"E	09 ⁰ 53'04" N	114 ⁰ 19' 50"E

- Hướng bắn: Bắc Tây Bắc.

6. Đảo Sinh Tồn Đông

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	09° 54' 30" N	114° 34' 02" E	09° 54' 26" N	114° 34' 08" E
A2	09° 50' 40" N	114° 39' 55" E	09° 50' 36" N	114° 41' 01" E
A3	09° 47' 08" N	114° 37' 25" E	09° 47' 04" N	114° 37' 31" E
A4	09° 53' 54" N	114° 33' 28" E	09° 53' 50" N	114° 33' 32" E

- Hướng bản: Đông Nam.

7. Đảo An Bang

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	07° 53' 00" N	112° 47' 26" E	07° 52' 56" N	112° 47' 32" E
A2	07° 53' 37" N	112° 55' 09" E	07° 53' 33" N	112° 55' 15" E
A3	07° 53' 34" N	112° 55' 13" E	07° 53' 30" N	112° 55' 19" E
A4	07° 48' 05" N	112° 49' 39" E	07° 48' 01" N	112° 49' 45" E

- Hướng bản: Tây Tây Nam.

8. Đảo Trường Sa Đông

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	09° 02' 23" N	112° 16' 37" E	09° 02' 19" N	112° 16' 43" E
A2	09° 03' 13" N	112° 21' 19" E	09° 03' 09" N	112° 21' 25" E
A3	08° 55' 53" N	112° 21' 12" E	08° 55' 49" N	112° 21' 18" E
A4	08° 55' 47" N	112° 20' 53" E	08° 55' 43" N	112° 20' 59" E

- Hướng bản: Bắc Tây Bắc.

9. Đảo Phan Vinh A

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08° 58' 38" N	113° 42' 16" E	08° 58' 34" N	113° 42' 22" E
A2	09° 06' 47" N	113° 39' 34" E	09° 06' 43" N	113° 39' 40" E
A3	09° 04' 05" N	113° 49' 14" E	09° 04' 01" N	113° 49' 20" E
A4	08° 58' 35" N	113° 42' 26" E	08° 58' 31" N	113° 42' 32" E

- Hướng bản: Bắc Đông Bắc

10. Đảo Phan Vinh B

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 57'36" N	113 ⁰ 38'44"E	08 ⁰ 57'32" N	113 ⁰ 38'50"E
A2	09 ⁰ 04'54" N	113 ⁰ 34'06"E	09 ⁰ 04'50" N	113 ⁰ 34'12"E
A3	09 ⁰ 05'34" N	113 ⁰ 42'43"E	09 ⁰ 05'30" N	113 ⁰ 42'49"E
A4	08 ⁰ 57'54" N	113 ⁰ 39'16"E	08 ⁰ 57'50" N	113 ⁰ 39'22"E

- Hướng bắn: Bắc Tây Bắc.

11. Đảo Đá Lớn A

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10 ⁰ 02'30" N	113 ⁰ 55'00"E	10 ⁰ 02'26" N	113 ⁰ 55'06"E
A2	09 ⁰ 59'36" N	113 ⁰ 54'33"E	09 ⁰ 59'32" N	113 ⁰ 54'39"E
A3	10 ⁰ 01'13" N	113 ⁰ 51'04"E	10 ⁰ 01'09" N	113 ⁰ 51'10"E
A4	10 ⁰ 01'34" N	113 ⁰ 51'18"E	10 ⁰ 01'30" N	113 ⁰ 51'24"E

- Hướng bắn: Đông Đông Nam.

12. Đảo Đá Lớn B

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10 ⁰ 06'01" N	113 ⁰ 47'41" E	10 ⁰ 05'57" N	113 ⁰ 47'47" E
A2	10 ⁰ 03'22" N	113 ⁰ 48'29" E	10 ⁰ 03'26" N	113 ⁰ 48'35" E
A3	10 ⁰ 06'08" N	113 ⁰ 51'28" E	10 ⁰ 06'04" N	113 ⁰ 51'34" E
A4	10 ⁰ 05'49" N	113 ⁰ 51'31" E	10 ⁰ 05'45" N	113 ⁰ 51'37" E

- Hướng bắn: Tây Nam.

13. Đảo Đá Lớn C

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10 ⁰ 00'31" N	113 ⁰ 50'32" E	10 ⁰ 00'27" N	113 ⁰ 50'38" E
A2	10 ⁰ 01'03" N	113 ⁰ 50'34" E	10 ⁰ 00'59" N	113 ⁰ 50'40" E
A3	09 ⁰ 58'56" N	113 ⁰ 47'23" E	09 ⁰ 58'52" N	113 ⁰ 47'29" E
A4	09 ⁰ 57'06" N	113 ⁰ 48'54" E	09 ⁰ 57'02" N	113 ⁰ 49'00" E

- Hướng bắn: Nam Tây Nam.

14. Đảo Tốc Tan A

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 47'02" N	114 ⁰ 03'03" E	08 ⁰ 46'58" N	114 ⁰ 03'09" E
A2	08 ⁰ 47'36" N	114 ⁰ 06'49" E	08 ⁰ 47'32" N	114 ⁰ 06'55" E
A3	08 ⁰ 45'17" N	114 ⁰ 06'36" E	08 ⁰ 45'21" N	114 ⁰ 06'42" E
A4	08 ⁰ 46'35" N	114 ⁰ 03'02" E	08 ⁰ 46'31" N	114 ⁰ 03'08" E

- Hướng bắn: Đông Đông Nam.

15. Đảo Tốc Tan B

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 50'10" N	113 ⁰ 55'17" E	08 ⁰ 50'06" N	113 ⁰ 55'21" E
A2	08 ⁰ 53'19" N	113 ⁰ 57'17" E	08 ⁰ 53'15" N	113 ⁰ 57'23" E
A3	08 ⁰ 51'36" N	113 ⁰ 59'01" E	08 ⁰ 51'32" N	113 ⁰ 59'07" E
A4	08 ⁰ 49'54" N	113 ⁰ 55'31" E	08 ⁰ 49'50" N	113 ⁰ 55'37" E

- Hướng bắn: Đông Bắc.

16. Đảo Tốc Tan C

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 49'48" N	113 ⁰ 59'21" E	08 ⁰ 49'44" N	113 ⁰ 59'27" E
A2	08 ⁰ 52'11" N	114 ⁰ 02'22" E	08 ⁰ 52'07" N	114 ⁰ 02'28" E
A3	08 ⁰ 50'12" N	114 ⁰ 03'28" E	08 ⁰ 50'08" N	114 ⁰ 03'34" E
A4	08 ⁰ 49'22" N	113 ⁰ 59'42" E	08 ⁰ 49'18" N	113 ⁰ 59'48" E

- Hướng bắn: Đông Bắc.

17. Đảo Đá Đông A

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 49'24" N	112 ⁰ 39'25" E	08 ⁰ 49'20" N	112 ⁰ 39'31" E
A2	08 ⁰ 49'26" N	112 ⁰ 39'30" E	08 ⁰ 49'22" N	112 ⁰ 39'36" E
A3	08 ⁰ 53'15" N	112 ⁰ 39'21" E	08 ⁰ 53'11" N	112 ⁰ 39'27" E
A4	08 ⁰ 51'54" N	112 ⁰ 36'33" E	08 ⁰ 51'50" N	112 ⁰ 36'39" E

- Hướng bắn: Tây Bắc.

18. Đảo Đá Đông B

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 49'41" N	112 ⁰ 32'46" E	08 ⁰ 49'37" N	112 ⁰ 32'52" E
A2	08 ⁰ 49'45" N	112 ⁰ 33'06" E	08 ⁰ 49'41" N	112 ⁰ 33'12" E
A3	08 ⁰ 47'33" N	112 ⁰ 36'49" E	08 ⁰ 47'29" N	112 ⁰ 36'55" E
A4	08 ⁰ 46'00" N	112 ⁰ 33'26" E	08 ⁰ 46'04" N	112 ⁰ 33'32" E

- Hướng bắn: Đông Nam.

19. Đảo Đá Đông C

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 50'34" N	112 ⁰ 35' 27" E	08 ⁰ 50'32" N	112 ⁰ 35' 33" E
A2	08 ⁰ 53'40" N	112 ⁰ 37' 38" E	08 ⁰ 53'36" N	112 ⁰ 37' 44" E
A3	08 ⁰ 51'18" N	112 ⁰ 39'22" E	08 ⁰ 51'14" N	112 ⁰ 39'28" E
A4	08 ⁰ 50'20" N	112 ⁰ 35'40" E	08 ⁰ 50'16" N	112 ⁰ 35'46" E

- Hướng bắn: Đông Bắc.

20. Đảo Thuyền Chài A

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 09'41" N	113 ⁰ 16'57" E	08 ⁰ 09'37" N	113 ⁰ 17'03" E
A2	08 ⁰ 09'05" N	113 ⁰ 20'43" E	08 ⁰ 09'01" N	113 ⁰ 20'49" E
A3	08 ⁰ 06'01" N	113 ⁰ 19'14" E	08 ⁰ 05'57" N	113 ⁰ 19'20" E
A4	08 ⁰ 08'56" N	113 ⁰ 16'37" E	08 ⁰ 08'52" N	113 ⁰ 16'43" E

- Hướng bắn: Đông Nam.

21. Đảo Thuyền Chài B

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 04'43" N	113 ⁰ 13'37" E	08 ⁰ 04'39" N	113 ⁰ 13'43" E
A2	08 ⁰ 03'41" N	113 ⁰ 17'17" E	08 ⁰ 03'37" N	113 ⁰ 17'23" E
A3	08 ⁰ 01'21" N	113 ⁰ 15'27" E	08 ⁰ 01'17" N	113 ⁰ 15'33" E
A4	08 ⁰ 04'27" N	113 ⁰ 13'16" E	08 ⁰ 04'23" N	113 ⁰ 13'22" E

- Hướng bắn: Đông Nam.

22. Đảo Thuyền Chài C

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 16'24" N	113 ⁰ 21'19" E	08 ⁰ 16'20" N	113 ⁰ 21'25" E
A2	08 ⁰ 15'37" N	113 ⁰ 25'03" E	08 ⁰ 15'33" N	113 ⁰ 25'09" E
A3	08 ⁰ 13'10" N	113 ⁰ 23'27" E	08 ⁰ 13'06" N	113 ⁰ 23'33" E
A4	08 ⁰ 16'06" N	113 ⁰ 21'03" E	08 ⁰ 16'02" N	113 ⁰ 21'09" E

- Hướng bản: Đông Nam.

23. Đảo Thuyền Chài D

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 11'37" N	113 ⁰ 18'15" E	08 ⁰ 11'33" N	113 ⁰ 18'21" E
A2	08 ⁰ 14'37" N	113 ⁰ 15'20" E	08 ⁰ 14'33" N	113 ⁰ 15'26" E
A3	08 ⁰ 16'03" N	113 ⁰ 19'23" E	08 ⁰ 15'59" N	113 ⁰ 19'29" E
A4	08 ⁰ 12'02" N	113 ⁰ 19'01" E	08 ⁰ 11'58" N	113 ⁰ 19'07" E

- Hướng bản: Tây Bắc.

24. Đảo Thuyền Chài E

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 10'19" N	113 ⁰ 19'02" E	08 ⁰ 10'15" N	113 ⁰ 19'08" E
A2	08 ⁰ 13'39" N	113 ⁰ 20'47" E	08 ⁰ 13'35" N	113 ⁰ 20'53" E
A3	08 ⁰ 11'49" N	113 ⁰ 22'37" E	08 ⁰ 11'45" N	113 ⁰ 22'43" E
A4	08 ⁰ 10'05" N	113 ⁰ 19'23" E	08 ⁰ 10'01" N	113 ⁰ 19'27" E

- Hướng bản: Đông Bắc.

25. Đảo Đá Tây A

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 52'27" N	112 ⁰ 15'13" E	08 ⁰ 52'23" N	112 ⁰ 15'19" E
A2	08 ⁰ 55'11" N	112 ⁰ 23'47" E	08 ⁰ 55'07" N	112 ⁰ 23'53" E
A3	08 ⁰ 46'58" N	112 ⁰ 22'43" E	08 ⁰ 46'54" N	112 ⁰ 22'49" E
A4	08 ⁰ 51'42" N	112 ⁰ 15'02" E	08 ⁰ 51'38" N	112 ⁰ 15'08" E

- Hướng bản: Đông.

26. Đảo Đá Tây B

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 50'36" N	112 ⁰ 11'30" E	08 ⁰ 50'32" N	112 ⁰ 11'36" E
A2	08 ⁰ 52'42" N	112 ⁰ 07'53" E	08 ⁰ 52'38" N	112 ⁰ 07'59" E
A3	08 ⁰ 54'43" N	112 ⁰ 10'33" E	08 ⁰ 54'37" N	112 ⁰ 10'39" E
A4	08 ⁰ 50'59" N	112 ⁰ 11'49" E	08 ⁰ 50'55" N	112 ⁰ 11'55" E

- Hướng bắn: Tây Bắc.

27. Đảo Đá Tây C

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 52'45" N	112 ⁰ 13'26" E	08 ⁰ 52'41" N	112 ⁰ 13'32" E
A2	08 ⁰ 56'35" N	112 ⁰ 14'26" E	08 ⁰ 56'31" N	112 ⁰ 14'32" E
A3	08 ⁰ 55'10" N	112 ⁰ 16'54" E	08 ⁰ 55'06" N	112 ⁰ 17'00" E
A4	08 ⁰ 52'22" N	112 ⁰ 13'57" E	08 ⁰ 52'18" N	112 ⁰ 14'03" E

- Hướng bắn: Bắc Đông Bắc.

28. Đảo Núi Le A

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 41'50" N	114 ⁰ 10'05" E	08 ⁰ 41'46" N	114 ⁰ 10'11" E
A2	08 ⁰ 44'13" N	114 ⁰ 07'10" E	08 ⁰ 44'09" N	114 ⁰ 07'16" E
A3	08 ⁰ 45'38" N	114 ⁰ 09'32" E	08 ⁰ 45'34" N	114 ⁰ 09'38" E
A4	08 ⁰ 42'02" N	114 ⁰ 10'20" E	08 ⁰ 41'56" N	114 ⁰ 10'26" E

- Hướng bắn: Tây Bắc.

29. Đảo Núi Le B

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 45'08" N	114 ⁰ 10'58" E	08 ⁰ 45'04" N	114 ⁰ 11'04" E
A2	08 ⁰ 42'29" N	114 ⁰ 13'34" E	08 ⁰ 42'25" N	114 ⁰ 13'40" E
A3	08 ⁰ 41'12" N	114 ⁰ 11'19" E	08 ⁰ 41'08" N	114 ⁰ 11'25" E
A4	08 ⁰ 44'40" N	114 ⁰ 10'16" E	08 ⁰ 44'36" N	114 ⁰ 10'22" E

- Hướng bắn: Đông Nam.

30. Đảo Núi Le C

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08 ⁰ 41'04" N	114 ⁰ 10'36" E	08 ⁰ 41'00" N	114 ⁰ 10'42" E
A2	08 ⁰ 39'23" N	114 ⁰ 13'53" E	08 ⁰ 39'19" N	114 ⁰ 13'59" E
A3	08 ⁰ 37'27" N	114 ⁰ 11'42" E	08 ⁰ 37'23" N	114 ⁰ 11'48" E
A4	08 ⁰ 40'57" N	114 ⁰ 10'17" E	08 ⁰ 40'53" N	114 ⁰ 10'23" E

- Hướng bắn: Đông Nam.

31. Đảo Đá Nam

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	11 ⁰ 23'48" N	114 ⁰ 17'44" E	11 ⁰ 23'44" N	114 ⁰ 17'50" E
A2	11 ⁰ 25'29" N	114 ⁰ 21'16" E	11 ⁰ 25'25" N	114 ⁰ 21'22" E
A3	11 ⁰ 22'44" N	114 ⁰ 21'56" E	11 ⁰ 22'40" N	114 ⁰ 22'02" E
A4	11 ⁰ 22'56" N	114 ⁰ 17'44" E	11 ⁰ 22'52" N	114 ⁰ 17'50" E

- Hướng bắn: Đông Đông Bắc.

32. Đảo Đá Thị

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	10 ⁰ 24'35" N	114 ⁰ 35'06" E	10 ⁰ 24'31" N	114 ⁰ 35'12" E
A2	10 ⁰ 24'45" N	114 ⁰ 35'12" E	10 ⁰ 24'41" N	114 ⁰ 35'18" E
A3	10 ⁰ 23'08" N	114 ⁰ 38'40" E	10 ⁰ 23'04" N	114 ⁰ 38'46" E
A4	10 ⁰ 20'52" N	114 ⁰ 35'53" E	10 ⁰ 20'48" N	114 ⁰ 35'59" E

- Hướng bắn: Đông Nam.

33. Đảo Cô Lin

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	09 ⁰ 49'22" N	114 ⁰ 12'40" E	09 ⁰ 49'18" N	114 ⁰ 12'46" E
A2	09 ⁰ 50'16" N	114 ⁰ 14'40" E	09 ⁰ 50'12" N	114 ⁰ 14'46" E
A3	09 ⁰ 46'30" N	114 ⁰ 15'19" E	09 ⁰ 46'26" N	114 ⁰ 15'25" E
A4	09 ⁰ 46'27" N	114 ⁰ 15'04" E	09 ⁰ 46'23" N	114 ⁰ 15'12" E

- Hướng bắn: Bắc Tây Bắc.

34. Đảo Len Đảo

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	09°46'45" N	114°22'03" E	09°46'41" N	114°22'09" E
A2	09°46'56" N	114°22'12" E	09°46'52" N	114°22'18" E
A3	09°44'59" N	114°24'57" E	09°44'55" N	114°25'03" E
A4	09°43'09" N	114°23'22" E	09°43'05" N	114°23'28" E

- Hướng bắn: Đông Nam.

35. Đảo Tiên Nữ A

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08°50'52" N	114°38'14" E	08°50'48" N	114°38'20" E
A2	08°51'04" N	114°38'30" E	08°51'00" N	114°38'36" E
A3	08°49'19" N	114°41'53" E	08°49'15" N	114°41'59" E
A4	08°47'14" N	114°39'56" E	08°47'18" N	114°40'02" E

- Hướng bắn: Đông Nam.

36. Đảo Tiên Nữ B

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08°48'00" N	114°38'10" E	08°47'56" N	114°38'16" E
A2	08°48'00" N	114°40'33" E	08°47'56" N	114°40'39" E
A3	08°51'25" N	114°40'00" E	08°51'21" N	114°40'06" E
A4	08°51'00" N	114°39'27" E	08°50'56" N	114°39'33" E

- Hướng bắn: Nam Tây Nam.

37. Đảo Đá Lát

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	08°40'04" N	111°40'09" E;	08°40'00" N	111°40'15" E;
A2	08°41'08" N	111°36'12" E	08°41'04" N	111°36'18" E
A3	08°43'16" N	111°37'43" E	08°43'12" N	111°37'49" E
A4	08°40'22" N	111°40'34" E	08°40'18" N	111°40'40" E

- Hướng bắn: Bắc Tây Bắc.

II. THỜI GIAN BẮN ĐẠN THẬT

Thời gian: Từ ngày 10/6/2025 đến ngày 12/6/2025.

1. Tại các đảo chìm:

Đá Lớn (A, B, C); Tóc Tan (A, B, C); Núi Le (A, B, C); Đá Đông (A, B, C); Thuyền Chài (A, B, C, D, E); Tiên Nữ (A, B); Đá Nam, Đá Thị; Cô Lin; Len Đao; Đá Lát; Phan Vinh B; Đá Tây (B, C).

- Chính thức: Từ 07h00 ÷ 07h30 và từ 18h30 ÷ 18h50 ngày 10/6/2025;

- Dự bị: Từ 07h00 ÷ 07h30 và từ 18h30 ÷ 18h50 ngày 12/6/2025.

2. Tại các đảo nổi:

Song Tử Tây; Trường Sa; Trường Sa Đông; Sinh Tồn; Sinh Tồn Đông; Sơn Ca; Nam Yết; An Bang; Đá Tây A; Phan Vinh A.

- Chính thức: Từ 06h30 ÷ 10h30 và từ 18h00 ÷ 19h00 ngày 11/6/2025;

- Dự bị: Từ 06h30 ÷ 10h30 và từ 18h00 ÷ 19h00 ngày 12/6/2025.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Yêu cầu các phương tiện thủy không được đi vào trong các khu vực được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên trong thời gian Quân chủng Hải quân bắn đạn thật trên biển./.

Nơi nhận:

- Cục HH và DT VN (b/c);
- UBND tỉnh Khánh Hòa;
- UBND thành phố Cam Ranh;
- UBND huyện Cam Lâm;
- UBND thành phố Nha Trang;
- Bộ Tư lệnh Quân chủng Hải quân;
- Bộ Tham mưu Quân chủng Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- BCH BDBP tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa;
- Sở NN&MT tỉnh Khánh Hòa;
- Các Cảng vụ Hàng hải;
- Các Cảng vụ Đường thủy nội địa;
- Đại diện Cảng vụ HK miền Trung tại Cảng HK Quốc tế Cam Ranh;
- Tổng công ty BĐATHH Việt Nam;
- Công ty BĐATHH Nam Trung Bộ;
- TT PH TKCN HH Khu vực IV;
- Đài thông tin duyên hải Nha Trang;
- CN Cty TNHH HTHH Miền Nam – Hoa tiêu VIII;
- Các tàu thuyền đang hoạt động tại khu vực;
- Giám đốc (đề b/c);
- Các Đại diện (th/h);
- Phòng QLKCHT (th/h);
- Phòng TCHC (đăng website);
- Lưu: VT, ATANHH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Cao Dũng